

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104 /2024/HS-ST
Ngày: 24 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu

Bà Nguyễn Thị Liễu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1975, tại: Quảng Bình; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn A H, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 04/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn G (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị D1 (Đã chết); anh chị em ruột: Có 04 người, D là con thứ ba trong gia đình; chồng: Phan Văn C, sinh năm: 1970; nghề nghiệp: Lao động tự do; con: Có 03 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú và T hoãn xuất cảnh từ ngày 08/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm: 1944; địa chỉ: Thôn H P, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn Quốc Lộ A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Chị Trần Thị T2, sinh năm: 1971; địa chỉ: Thôn I, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. Chị Võ Thị N, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn F, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

5. Chị Hà Thị Hồng L, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 08/2020 đến tháng 10/2024, Nguyễn Thị D đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn thành phố Đ với lãi suất gộp vay thấp nhất là 109,5%/năm và cao nhất là 146%/năm gấp từ 5,475 lần đến 7,3 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng, D sử dụng 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 7Z 5G, màu đen, số IMEI 1: 863557050095491, số IMEI 2: 863557050095483 có đăng nhập tài khoản Zalo tên "Phát tài" và tài khoản Facebook "Dung Nguyễn Thị " để nghe gọi và lưu trữ tin nhắn liên quan đến việc cho vay. D sử dụng tài khoản ngân hàng V số 102877315056 mở từ trước đó để chuyển và nhận tiền gốc và lãi qua Interenet Banking. D đã cho 05 người vay với 10 gói vay, tổng số tiền cho vay là 135.000.000 đồng. Số tiền lãi thực tế nhận được là 78.980.000 đồng; trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 12.586.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính 66.393.699 đồng. Cụ thể:

1. Cho Hà Thị Hồng L vay 01 lần.

Vào ngày 08/10/2020, Nguyễn Thị D cho Hà Thị Hồng L vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 30 ngày phải trả lãi 01 lần với số tiền 1.000.000 đồng. Từ ngày 08/10/2020 đến ngày 08/6/2023 D thu lãi tổng cộng là 973 ngày với tổng số tiền lãi 32.000.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 5.331.507 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 26.668.493 đồng, lãi suất cho vay là 121,66545 %/năm, gấp 6,0833 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

Đến ngày 09/06/2023 thì D thỏa thuận với L tăng mức lãi suất lên 1.100.000 đồng/tháng. Từ ngày 09/6/2023 đến ngày 10/3/2024 D thu lãi tổng cộng 275 ngày với số tiền lãi 9.900.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 1.506.849 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 8.393.151 đồng, lãi suất cho vay là 133,8309 %/năm, gấp 6,6915 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

Tổng cộng từ ngày 10/8/2020 đến ngày 10/3/2024 Nguyễn Thị D đã thu của Hà Thị Hồng L tổng cộng 41 lần lãi với số tiền 41.900.000 đồng. Ngày 10/3/2024, L đã trả hết tiền gốc cho D.

2. Cho Trần Thị T2 vay 01 lần.

Vào ngày 23/02/2024, Nguyễn Thị D cho vay số tiền 5.000.000đ, thỏa thuận mức lãi suất 4000 đồng/1 triệu/1 ngày, trong 30 ngày phải trả lãi 1 lần với số tiền 600.000 đồng, D cắt lãi trước vào ngày 23/02/2024. T2 đã trả lãi cho D từ ngày 23/02/2024 đến ngày 23/10/2024, D thu lãi 240 ngày, tổng cộng 8 lần vào ngày 23 hàng tháng với tổng số tiền là 4.800.000 đồng. Hiện T2 chưa trả tiền gốc cho D.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 657.534 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.142.466 đồng, lãi suất cho vay là 146% năm, gấp 7,3 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

3. Cho Võ Thị N vay 01 lần.

Vào ngày 27/2/2024, Nguyễn Thị D cho Võ Thị N vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, trong 30 ngày phải trả lãi 1 lần vào ngày 27 hàng tháng với số tiền 1.200.000 đồng, D cắt lãi trước là 1.200.000 đồng. T2 trả lãi cho D từ ngày 27/02/2024 đến 27/10/2024 là 240 ngày, tổng cộng D thu lãi 08 lần với tổng số tiền lãi là 9.600.000 đồng. Hiện N chưa thanh toán 10.000.000 đồng tiền gốc cho D.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 1.315.068 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 8.284.932 đồng, lãi suất cho vay là 146% năm, gấp 7,3 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

4. Cho Nguyễn Thị Thanh T1 vay 06 lần.

Hai bên thỏa thuận mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ ngày hoặc 4.000 đồng/1 triệu/ ngày, trong 10 ngày phải trả lãi một lần vào cuối kỳ, D chuyển tiền cho vay đến tài khoản ngân hàng S số 040062114578 của T1. D cho T1 vay tổng 80.000.000 đồng với 06 lần vay. Hiện T1 đã thanh toán toàn bộ tiền gốc cho D . Tổng cộng các gói vay D nhận 4.680.000 đồng tiền lãi từ T1. T3 lợi bất chính số tiền 3.863.562 đồng.

Lần 1: Vào ngày 25/04/2024, D cho T1 vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 04/05/2024, T1 chuyển cho D số tiền là 10.300.000 đồng trong đó 10.000.000 đồng là tiền gốc và 300.000 đồng là tiền lãi trong vòng 10 ngày.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 54.795 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 245.205 đồng, lãi suất cho vay là 109,5 %/năm, gấp 5,475 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

Lần 2: Vào ngày 30/05/2024, D cho T1 vay số tiền là 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 04/06/2024, T1 chuyển trả D số tiền là 20.400.000 đồng trong đó 20.000.000 đồng là tiền gốc D vay và 400.000 đồng là tiền lãi trong vòng 5 ngày.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 54.795 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 345.205 đồng, lãi suất cho vay là 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

Lần 3: Vào ngày 14/06/2024, D cho vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 29/07/2024, T1 chuyển trả D số tiền là 22.400.000 đồng trong đó 20.000.000 đồng là tiền gốc và 2.400.000 đồng là tiền lãi. Đáng lẽ số tiền chị T1 phải trả trên thực tế số ngày vay là 2.700.000 đồng nhưng D giảm cho chị T1 300.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 493.151 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.906.849 đồng, lãi suất cho vay là 109,5 %/năm, gấp 5,475 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

Lần 4: Vào ngày 31/07/2024, D cho vay số tiền là 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 05/8/2024, T1 chuyển trả D số tiền là 10.180.000 đồng trong đó 10.000.000 đồng là tiền gốc và 180.000 đồng là tiền lãi trong 6 ngày.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 32.877 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 147.123 đồng, lãi suất cho vay là 109,5 %/năm, gấp 5,475 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

Lần 5: Vào ngày 26/08/2024, D cho vay số tiền là 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 07/9/2024, T1 chuyển trả lại cho D số tiền là 10.600.000 đồng trong đó 10.000.000 đồng là tiền gốc và 600.000 đồng là tiền lãi của 2 kỳ (trong đó 390.000 đồng là tiền lãi trong 13 ngày và 210.000 đồng chị T1 trả thừa do trước đó D có giảm lãi cho T1).

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 71.233 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 528.767 đồng, lãi suất cho vay là 109,5 %/năm, gấp 5,475 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

Lần 6: Vào ngày 15/09/2024, D cho vay số tiền là 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 04/10/2024, T1 chuyển trả cho D số tiền là 10.800.000 đồng trong đó 10.000.000 đồng là tiền gốc và 800.000 đồng là tiền lãi.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 109.589 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 690.411 đồng, lãi suất cho vay là 146% năm, gấp 7,3 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

5. Cho Nguyễn Mạnh H1 vay 01 lần:

Vào ngày 29/4/2024, Nguyễn Thị D cho Nguyễn Mạnh H1 vay số tiền 30.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, trả lãi vào ngày 29 hàng tháng. D đồng ý và chuyển cho anh H1 số tiền là 27.000.000 đồng trong đó D đã cắt lãi tháng đầu tiên là 3.000.000 đồng vào tài khoản số 0812900555 của ngân hàng M chủ tài khoản “NGUYEN MANH HUNG”. Sau đó anh H1 tiếp tục trả lãi hàng tháng cho D từ ngày 29/5/2024 đến ngày 29/10/2024 là 180 ngày với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Đến nay, H1 chưa thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 2.958.904 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 15.041.096 đồng, lãi suất cho vay là 121,666667%/năm, gấp 6,0833 lần lãi suất cho vay cao nhất trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã tạm giữ của Nguyễn Thị D: Một điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 Z 5G màu đen, số IMEI 1: 863557050095491 ,số IMEI 2: 863557050095483; Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Về xử lý số tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thị D:

Đối với số tiền D dùng để cho vay phải nộp lại để sung quỹ nhà nước: Trong đó Nguyễn Thị D phải nộp lại số tiền gốc đã thu của Nguyễn Thị Thanh T1, Hà Thị Hồng L tổng cộng 90.000.000 đồng. Đối với những khoản tiền gốc cho vay mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thanh toán phải nộp lại để sung quỹ nhà nước. Bao gồm: Võ Thị N phải nộp lại 10.000.000 đồng, Trần Thị T2 phải nộp lại 5.000.000 đồng, Nguyễn Mạnh H1 phải nộp lại 30.000.000 đồng

Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà D đã thu của người vay là 12.586.301 đồng, D phải nộp để sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính 66.393.699 đồng mà D đã thu, D phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể: Trả lại cho Nguyễn Thị Thanh T1 3.863.562 đồng; trả lại cho Trần Thị T2 4.142.466 đồng; trả lại cho Võ Thị N 8.284.932 đồng; trả lại cho Nguyễn Mạnh H1 15.041.096 đồng; trả lại cho Hà Thị Hồng L 35.061.644 đồng

Bản cáo trạng số 103/CT-VKS-KT ngày 26 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo Nguyễn Thị D ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX, xét xử bị cáo Nguyễn Thị D theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng; cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngày 07/9/2024 bị cáo được Chủ tịch hội chữ thập đỏ thành phố Đ tặng giấy khen

ghi nhận tấm lòng vàng nhân đạo vì đã hỗ trợ chương trình “Cùng em tới trường” năm học 2024-2025 và tết trung thu 2024 cho học sinh nghèo tại Bản 51 và bản Chăm Pu, T, B, Quảng Bình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 09 (C) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo hiện nay không có công việc ổn định, đang nuôi chồng đau ốm, nuôi con ăn học. Nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị hình phạt bổ sung.

* Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 Z 5G màu đen, số IMEI 1: 863557050095491, số IMEI 2: 863557050095483; Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong thu giữ từ Nguyễn Thị D.

* Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

a. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền gốc Nguyễn Thị D đã cho vay 135.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc D đã thu của chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Hà Thị Hồng L là 90.000.000 đồng, chưa thu là 45.000.000 đồng, cụ thể:

- Chị Võ Thị N nộp lại số tiền 10.000.000 đồng.
- Chị Trần Thị T2 nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Mạnh H1 nộp lại số tiền 30.000.000 đồng.

b. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%) mà Nguyễn Thị D đã thu của người vay là 12.586.301 đồng.

c. Nguyễn Thị D phải trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là 66.393.699 đồng, cụ thể:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền 3.863.562 đồng.
- Trả lại cho chị Trần Thị T2 số tiền 4.142.466 đồng.
- Trả lại cho chị Võ Thị N số tiền 8.284.932 đồng.
- Trả lại cho anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền 15.041.096 đồng.
- Trả lại cho chị Hà Thị Hồng L số tiền 35.061.644 đồng.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị D đã khai nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về tội danh và hình phạt :

[3.1] Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Thị D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản tự khai, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu, sao kê ngân hàng ;tin nhắn tại điện thoại có nội dung khoản vay, phù hợp với số tiền bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chuyển tiền cho bị cáo. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng hệ thống sản phẩm dịch vụ, mạng lưới của các ngân hàng còn mỏng, thủ tục quy định trong việc cho vay vốn của của các ngân hàng lại phức tạp, điều kiện cho vay chặt chẽ, Nguyễn Thị D đã cho 05 người vay tiền với lãi suất vượt quá quy định. Vì vậy, từ tháng 8/2020 đến tháng 10/2024, trên địa bàn thành phố Đ, Nguyễn Thị D đã sử dụng 135.000.000 đồng cho chị Hà Thị Hồng L, chị Võ Thị N, chị Trần Thị T2, chị Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Mạnh H1 vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp từ 5,475 lần đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm), thu lợi bất chính 66.393.699 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị D đã phạm vào tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã truy tố và kết luận

của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[3.2] Về hình phạt:

[3.2.1] Hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản thân bị cáo Nguyễn Thị D biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị nhà nước nghiêm cấm nhưng vì mục đích thu lợi bất chính, tư lợi cá nhân và bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc cho người khác vay tiền với lãi suất cao hơn 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy cần cần phải xử lý nghiêm minh buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[3.2.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi cho vay nặng lãi mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính quá 30.000.000 đồng, các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt hành chính, chưa hết thời hiệu bị xử phạt vi phạm hành chính nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngày 07/9/2024 bị cáo được Chủ tịch hội chữ thập đỏ thành phố Đ tặng giấy khen ghi nhận tấm lòng vàng nhân đạo vì đã hỗ trợ chương trình “Cùng em tới trường” năm học 2024-2025 và tết trung thu 2024 cho học sinh nghèo tại Bản 51 và bản Chăm Pu, T, B, Quảng Bình.

Do vậy, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn D là phụ nữ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương, nên áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự, xét xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về chính quyền địa phương phối hợp gia đình theo dõi, giám sát cũng đủ tính răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo vừa cải tạo vừa lao động để chăm lo, nuôi sống bản thân và gia đình. Hiện nay bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành án.

[4] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đối với vật chứng đang tạm giữ được xác định là phương tiện bị cáo Nguyễn Thị D sử dụng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng cụ thể bị cáo dùng để điện thoại và nhắn tin cho những người cần vay tiền, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 Z 5G màu đen, số IMEI 1: 863557050095491, số IMEI 2: 863557050095483; Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (theo quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 08/10/2024 của cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đ).

[5] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự:

[5.1] Đối với toàn bộ khoản tiền gốc 135.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị D dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Do vậy cần buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp lại khoản tiền gốc mà người vay đã trả lại cho bị cáo tổng là 90.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc còn lại những người vay chưa trả cho bị cáo về nguyên tắc phải trả cho bị cáo D theo giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm, nên không buộc những người vay trả lại tiền cho bị cáo mà buộc người vay chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo D phải nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền gốc tổng cộng 45.000.000 đồng, cụ thể: Chị Võ Thị N nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; chị Trần Thị T2 nộp lại số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Mạnh H1 nộp lại số tiền 30.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

[5.2] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm mà bị cáo Nguyễn Thị D đã thu của người vay là 12.586.301 đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền mà bị cáo đã thu để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[5.3] Về tiền thu lợi bất chính: Về nguyên tắc, số tiền bị cáo thu lợi từ việc phạm tội phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, đối với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ kinh doanh, sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày; người vay đã phải chịu lãi nặng. Bởi vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất trên 20% trở lên. Do đó, buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính là: 66.393.699 đồng, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền 3.863.562 đồng; chị Trần Thị T2 số tiền 4.142.466 đồng; chị Võ Thị N số tiền 8.284.932 đồng; anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền 15.041.096 đồng; chị Hà Thị Hồng L số tiền 35.061.644 đồng.

[6] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả

lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bởi vì, bản chất đây là số tiền thu lời bất chính, không phải tiền bồi thường dân sự.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Về điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cùng gia đình phối hợp giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Trong trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành án.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp khoản tiền gốc mà người vay đã trả lại cho bị cáo là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng chẵn*) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của người vay là 12.586.301 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm linh một đồng*). Tổng là. 102.586.301 đồng (*Một trăm linh hai triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm linh một đồng*) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Buộc người vay chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp lại khoản tiền gốc chưa trả để tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể :

+ Chị Võ Thị N nộp lại khoản tiền gốc 10.000.000 đồng.

+ Trần Thị T2 nộp lại khoản tiền gốc 5.000.000 đồng.

+ Nguyễn Mạnh H1 nộp lại khoản tiền gốc 30.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải trả lại cho những người vay khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu của họ, cụ thể :

- + Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền 3.863.562 đồng.
- + Trả lại cho chị Trần Thị T2 số tiền 4.142.466 đồng.
- + Trả lại cho chị Võ Thị N số tiền 8.284.932 đồng.
- + Trả lại cho anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền 15.041.096 đồng.
- + Trả lại cho chị Hà Thị Hồng L số tiền 35.061.644 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 Z 5G màu đen, số IMEI 1: 863557050095491, số IMEI 2: 863557050095483; Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (*theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 08/10/2024 của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đ*).

(Vật chứng trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới).

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/12/2024) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp QB;
- VKSND; Công an TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Người tham gia tố tụng;
- THA phạt tù; Lưu hồ sơ; Lưu TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Các Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thu Nguyễn Thị Liễu

Nguyễn Thị Tuyết Minh

